

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 146/2025/QH15, Luật số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 582/TTr-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.

Vùng đồng bào dân tộc thiểu số được xác định theo Quyết định số 60/QĐ-BDTTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ về đất đai

1. Nguyên tắc hỗ trợ về đất đai

a) Ưu tiên giải quyết cho các đối tượng chưa được hỗ trợ đất đai lần đầu, sau đó xem xét giải quyết cho các đối tượng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức quy định.

b) Phải đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng, đúng thủ tục quy định; phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa, dân tộc.

2. Điều kiện hỗ trợ về đất đai

Cá nhân là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ về đất đai phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Phải sinh sống và thường trú trên địa bàn thành phố, được cơ quan đăng ký cư trú xác nhận tại thời điểm xem xét cá nhân được hưởng chính sách.

b) Thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Không có đất ở hoặc đất thương mại, dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp hoặc đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố đối với trường hợp hỗ trợ đất đai lần đầu tương ứng với loại đất và hình thức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Đối với trường hợp hỗ trợ đất đai để ổn định cuộc sống thì phải thuộc đối tượng đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này nhưng không còn đất hoặc có diện tích đất nông nghiệp thấp hơn mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

d) Chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

3. Việc xác định cá nhân thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ về đất đai và bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng

1. Chính sách hỗ trợ về đất đai lần đầu cho cá nhân là người dân tộc thiểu số như sau:

a) Giao đất ở trong hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất.

b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

c) Giao đất nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất với diện tích không quá 5.000 m².

d) Trường hợp không có đất sản xuất (đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở) và chưa được giao đất nông nghiệp theo quy định tại điểm c Khoản này mà có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được hỗ trợ cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, được giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật, diện tích được cho thuê không quá 02 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Chính sách hỗ trợ về đất đai để bảo đảm ổn định cuộc sống cho cá nhân là người dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức:

a) Trường hợp không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và được miễn tiền sử dụng đất. Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.

b) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thấp hơn mức hỗ trợ đất nông nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì được hỗ trợ giao tiếp đất nông nghiệp nhưng tổng diện tích đất

đang sử dụng và diện tích được giao thêm không được vượt quá mức hỗ trợ đất nông nghiệp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số:

Đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được bố trí khu đất sinh hoạt cộng đồng đảm bảo diện tích tối thiểu là 300 m²/khu đất đối với phường và tối thiểu là 500 m²/khu đất đối với xã phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 4. Điều kiện thực hiện quyền của đối tượng được hỗ trợ về đất đai

Cá nhân là người dân tộc thiểu số được hỗ trợ về đất đai theo Nghị quyết này khi thực hiện thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng, thế chấp quyền sử dụng đất phải đảm bảo điều kiện theo quy định tại Điều 48 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

Điều 5. Quỹ đất và kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Đất để thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 14/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

3. Trường hợp văn bản viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa XI, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 30 tháng 7 năm 2026. /-nguyet

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố (Công báo thành phố);
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT *nguyet*



CHỦ TỊCH

Đồng Văn Thanh